TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH51801379	Ngô Minh	Đạt	D18_TH01																									4.71	5.95	8.43	6.36	6.16	6.43	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
2	DH51800688	Lê Trần	Đức	D18_TH01																									4.50	3.55	5.00	5.52	3.91	4.65	53/79	24/35	CCHV_2			CCHV	DH18
3	DH51800367	Phan Châu	Đức	D18_TH01																									7.29	7.68		5.96	7.56	7.06	77/79	34/35				ĐẠT	DH18
4	DH51800827	Dương Trường	Giang	D18_TH01																									6.71	7.05	9.00	7.04	7.78	7.34	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
5	DH51800439	Nguyễn Văn	Hậu	D18_TH01																									4.93	5.36		5.56	5.20	5.47	59/79	27/35				ĐẠT	DH18
6	DH51800369	Trần Kim	Hoàng	D18_TH01																									5.14	5.77	9.00	6.20	5.58	5.97	70/79	31/35				ĐẠT	DH18
7	DH51800023	Trương Thái Thiện	Hoàng	D18_TH01																									6.29	5.86		6.48	6.68	6.35	74/79	33/35				ĐẠT	DH18
8	DH51801515	Nguyễn Chí	Hùng	D18_TH01																									3.79	1.32	5.56	1.13	2.22	2.43	19/79	9/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
9	DH51700233	Bùi Quốc	Huy	D18_TH01																						1.64	0.18		2.50	0.23		0.53	3.81	2.44	18/79	8/35	BTH			BTH	DH17
10	DH51800464	Bùi Quốc	Huy	D18_TH01																									4.50	0.00		0.00	0.00	0.84	7/79	4/35	CCHV_3			CCHV	DH18
11	DH51701216	Ngô Hoàng	Huy	D18_TH01																						3.91	3.05		3.53	0.60	2.43	4.44	4.86	4.78	48/79	24/35				ĐẠT	DH17
12	DH51800692	Nguyễn Dương Anh	Huy	D18_TH01																									5.07	7.18	8.57	7.16	7.22	7.29	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
13	DH51800191	Nguyễn Nhật	Huy	D18_TH01																									5.36	4.82	6.00	5.68	6.26	5.73	66/79	30/35				ĐẠT	DH18
14	DH51800049	Đỗ Vân Gia	Huyên	D18_TH01																									8.21	7.95		7.92	8.00	8.00	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
15	DH51800663	Nguyễn Hoàn	Kha	D18_TH01																									3.93	4.23	6.64	5.28	5.19	5.33	58/79	28/35				ĐẠT	DH18
16	DH51800321	Nguyễn Anh	Khoa	D18_TH01																									7.64	7.64		7.72	8.67	7.90	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
17	DH51802487	Võ Ngọc	Lai	D18_TH01																									4.86	0.23		0.60	0.05	1.33	9/79	4/35	CCHV_3		KoDKMH	DC	DH18
18	DH51802091	Bùi Phạm Phú	Lâm	D18_TH01																									4.95	1.91		2.86	4.65	3.50	30/79	14/35				ĐẠT	DH18
19	DH51800556	Đỗ Huy	Long	D18_TH01																									4.43	5.86	8.00	6.20	6.06	6.06	74/79	33/35				ĐẠT	DH18
20	DH51800769	Nguyễn Thanh	Long	D18_TH01																									4.79	5.73	7.00	5.48	5.48	5.75	67/79	30/35				ĐẠT	DH18
21	DH51800622	Nguyễn Huỳnh Lạt	Minh	D18_TH01																									3.00	5.59	7.14	5.32	6.61	5.91	68/79	31/35				ĐẠT	DH18
22	DH51800070	Nguyễn Nhựt	Nam	D18_TH01																									4.86	5.55	7.33	5.32	5.89	5.85	62/79	29/35				ĐẠT	DH18
23	DH51808001	Thái Tú	Nghi	D18_TH01																									2.31	4.11	7.00	4.89	5.58	5.07	45/79	20/35				ĐẠT	DH18
24	DH51800925	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	D18_TH01																									4.36	4.09	4.20	4.00	4.18	4.38	37/79	19/35				ĐẠT	DH18
25	DH51802473	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D18_TH01																									5.14	4.45		4.36	4.78	4.62	33/79	17/35				ĐẠT	DH18
26	DH51800687	Nguyễn Thiên	Phú	D18_TH01																									5.00	3.82	7.43	5.00	5.64	5.41	55/79	26/35				ĐẠT	DH18
27	DH51800699	Phạm Hữu	Phước	D18_TH01																									0.00	2.32	1.25	3.00	4.70	2.94	29/79	14/35				ĐẠT	DH18
28	DH51700384	Nguyễn Minh	Quang	D18_TH01																						3.29				5.64		6.12	6.78	5.63	61/79	29/35				ĐẠT	DH17
29	DH51800211	Võ Hoàng	Thắng	D18_TH01																									5.64	6.32	7.00	6.52	6.33	6.46	77/79	33/35				ĐẠT	DH18
30	DH51802009	Phạm Anh	Thi	D18_TH01																									7.57	7.55		6.28	7.72	7.19	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
31	DH51800586	Lê Nguyễn ánh	Tiên	D18_TH01																									5.43	6.91	7.60	6.20	6.22	6.49	72/79	32/35				ĐẠT	DH18
32	DH51801021	Thiều Văn Vũ	Tín	D18_TH01																									4.64	4.32	3.71	3.60	4.17	4.22	36/79	18/35				ĐẠT	DH18
33	DH51701666	Phạm Phú	Vũ	D18_TH01																						4.79	2.86		0.00	0.82		0.00	2.00	2.18	19/79	9/35	CB_BTH_2			CB_BTH	DH17

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
34	DH51800877	Nguyễn Quốc	Vương	D18_TH01																									8.64	8.45		7.48	8.28	8.14	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
35	DH51704549	Phạm Ngọc Thiên	Vương	D18_TH01																						6.29	4.14		0.00			2.50	0.00	3.51	23/79	13/35	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH17
36	DH51800612	Nguyễn Thảo	Vy	D18_TH01																									5.36	6.05	8.00	6.76	6.76	6.62	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
37	DH51800203	Dương Hoàng	Xuân	D18_TH01																									4.57	4.55	5.22	5.60	4.95	5.30	61/79	28/35				ĐẠT	DH18
38	DH51800043	Phan Hoàng	Dũng	D18_TH02																									5.21	4.27		4.00	4.64	4.56	48/79	23/35				ĐẠT	DH18
39	DH51801978	Cao Nhật	Duy	D18_TH02																									4.57	3.86		3.86	4.91	4.39	47/79	22/35				ĐẠT	DH18
40	DH51801510	Huỳnh Trần Tấn	Duy	D18_TH02																									4.86	4.82	0.00	4.50	0.14	3.57	36/79	17/35	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
41	DH51802448	Hoàng Quốc	Đạt	D18_TH02																									4.29	4.09		4.56	4.32	4.43	41/79	20/35				ĐẠT	DH18
42	DH51802443	Phạm Tấn	Đạt	D18_TH02																									5.00	5.00	7.43	3.75	6.45	5.57	54/79	25/35				ĐẠT	DH18
43	DH51800991	Nguyễn Long	Đức	D18_TH02																									5.36	4.45		4.80	5.67	5.00	45/79	24/35				ĐẠT	DH18
44	DH51801606	Bùi Quốc	Huy	D18_TH02																									4.43	4.00	0.00	4.80	6.19	4.95	47/79	25/35				ĐẠT	DH18
45	DH51802262	Nguyễn Tấn	Huy	D18_TH02																									5.43	5.09		5.04	4.91	5.18	62/79	29/35				ĐẠT	DH18
46	DH51801417	Nguyễn Thanh	Huy	D18_TH02																									4.71	4.14		5.04	5.41	4.99	55/79	26/35				ĐẠT	DH18
47	DH51800062	Trần Quang	Huy	D18_TH02																									3.57	3.45		3.06	0.00	2.51	18/79	10/35	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
48	DH51800013	Mai Chí	Khôi	D18_TH02																									5.50	6.18	7.60	5.88	6.32	6.29	64/79	29/35				ĐẠT	DH18
49	DH51800895	Phạm Đức	Long	D18_TH02																									6.00	6.09		5.92	6.64	6.28	72/79	33/35				ĐẠT	DH18
50	DH51802640	Lê Đình	Mẫn	D18_TH02																									7.21	6.82		6.92	7.33	7.04	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
51	DH51801342	Phan Lê Hữu	Nhân	D18_TH02																									4.57	5.86	7.29	5.72	6.82	6.39	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
52	DH51800998	Hồ Đăng	Quang	D18_TH02																									4.57	4.05		4.08	4.73	4.43	38/79	21/35				ĐẠT	DH18
53	DH51800835	Đồng Đình	Quân	D18_TH02																									7.64	7.55		7.68	7.78	7.66	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
54	DH51800799	Lê Quốc	Thịnh	D18_TH02																									1.36	1.77		1.83	0.00	1.40	9/79	4/35	CB_BTH_1		KoDKMH	DC	DH18
55	DH51801707	Nguyễn Quang	Thông	D18_TH02																									7.21	6.68		7.04	7.00	6.96	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
56	DH51802374	Huỳnh Tấn	Tiến	D18_TH02																									6.21	4.77		5.75	6.41	5.99	70/79	31/35				ĐẠT	DH18
57	DH51800094	Lê Nhựt	Tiến	D18_TH02																									4.14	4.36		3.32	4.73	4.22	40/79	20/35				ĐẠT	DH18
58	DH51802544	Lê Hoàng Trọng	Tín	D18_TH02																									4.07	5.27	6.86	4.48	5.73	5.41	56/79	26/35				ĐẠT	DH18
59	DH51800079	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D18_TH02																									5.64	5.27		5.40	5.86	5.62	67/79	30/35				ĐẠT	DH18
60	DH51802391	Ngô Xuân	Trúc	D18_TH02																									4.79	4.86	5.86	4.36	5.09	5.11	57/79	26/35				ĐẠT	DH18
61	DH51800041	Trần Văn	Trường	D18_TH02																									4.14	4.05	5.67	4.20	5.38	4.80	50/79	24/35				ĐẠT	DH18
62	DH51802799	Võ Thanh	Tùng	D18_TH02																									5.14	4.91	6.71	4.56	5.28	5.16	50/79	23/35				ĐẠT	DH18
63	DH51800705	Chiu Thùy	Tỷ	D18_TH02																									5.43	5.32		4.96	5.68	5.34	58/79	28/35				ĐẠT	DH18
64	DH51801674	Trần Quốc	Vương	D18_TH02																									4.50	4.50		4.16	4.86	4.56	50/79	24/35				ĐẠT	DH18
65	DH51800004	Trần Phú	Yên	D18_TH02																									6.86	7.41		6.96	6.94	7.06	78/79	34/35				ĐẠT	DH18
66	DH51802504	Dương Nhật	Anh	D18_TH03																									4.50	3.77	5.43	4.83	5.79	4.87	47/79	23/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
67	DH51801144	Lê Duy	Anh	D18_TH03																									4.36	4.59	5.43	2.80	5.16	4.43	43/79	20/35				ĐẠT	DH18
68	DH51800963	Nguyễn Võ Đức	Anh	D18_TH03																									4.21	6.05	7.67	3.48	4.79	5.22	53/79	24/35				ĐẠT	DH18
69	DH51802099	Trần Nhật	Bản	D18_TH03																									6.71	7.91		5.92	7.83	7.05	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
70	DH51800512	Nguyễn Hoàng	Chương	D18_TH03																									4.29	4.32	4.43	3.20	4.64	4.43	38/79	19/35				ĐẠT	DH18
71	DH51800394	Nguyễn Ngọc	Duy	D18_TH03																									4.64	5.77	7.43	5.72	7.32	6.51	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
72	DH51802382	Bùi Tấn	Đạt	D18_TH03																									4.43	4.18	5.86	3.84	4.25	4.49	48/79	22/35				ĐẠT	DH18
73	DH51802381	Phạm Thanh	Đức	D18_TH03																									4.21	4.91	6.57	4.80	5.52	5.42	67/79	30/35				ĐẠT	DH18
74	DH51800538	Nguyễn Văn	Hậu	D18_TH03																									4.93	3.73		3.84	0.00	3.13	32/79	16/35	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
75	DH51801984	Lê Hồng Chí	Hiển	D18_TH03																									4.00	1.86		0.28	3.89	2.20	15/79	9/35	CCHV_3			CCHV	DH18
76	DH51801726	Lê Văn	Hiếu	D18_TH03																									4.71	4.68	6.86	6.24	6.26	5.99	70/79	32/35				ĐẠT	DH18
77	DH51800859	Hàng Ngọc	Hưng	D18_TH03																									4.43	5.64	7.29	5.40	6.26	5.90	66/79	29/35				ĐẠT	DH18
78	DH51800671	Đặng Phúc	Hữu	D18_TH03																									4.21	3.41		3.38	5.50	4.46	46/79	23/35				ĐẠT	DH18
79	DH51801635	Nguyễn Gia	Khánh	D18_TH03																									4.29	3.86	6.29	3.76	5.16	4.59	45/79	22/35				ĐẠT	DH18
80	DH51801192	Nguyễn Phạm Công	Minh	D18_TH03																									3.57	4.50	5.43	3.52	4.37	4.41	50/79	23/35				ĐẠT	DH18
81	DH51800621	Trần Quốc	Minh	D18_TH03																									6.29	5.45		6.56	6.56	6.17	62/79	29/35				ĐẠT	DH18
82	DH51800909	Ngô Gia	Phương	D18_TH03																									3.50	2.82	5.43	1.96	4.56	3.75	35/79	16/35				ĐẠT	DH18
83	DH51800658	Lê Ngọc	Sang	D18_TH03																									3.57	1.09	2.00	2.67	4.86	2.88	17/79	9/35				ĐẠT	DH18
84	DH51800965	Nguyễn Xuân Thanh	Sang	D18_TH03																									4.21	4.77		4.89	5.82	5.07	39/79	20/35				ĐẠT	DH18
85	DH51803498	Hà Quốc	Thanh	D18_TH03																									4.00	2.41		2.76	3.83	3.13	17/79	11/35	CCHV_3		KoDKMH	DC	DH18
86	DH51800497	Nguyễn Trần Việt	Thắng	D18_TH03																									3.14	1.64	1.57	0.78	4.06	2.36	12/79	6/35				ĐẠT	DH18
87	DH51801471	Lê Cường	Thịnh	D18_TH03																									5.14	5.91	8.43	6.61	6.83	6.65	69/79	30/35				ĐẠT	DH18
88	DH51802012	Lê Thái	Thông	D18_TH03																									3.93	3.82		5.44	5.89	4.94	45/79	22/35				ĐẠT	DH18
89	DH51800964	Nguyễn Đoàn Gia	Thuận	D18_TH03																									5.50	4.68	5.86	4.50	6.11	5.38	56/79	25/35				ĐẠT	DH18
90	DH51800220	Nguyễn Tấn	Tin	D18_TH03																									4.64	4.27		5.00	6.43	5.30	51/79	26/35				ĐẠT	DH18
91	DH51801268	Nguyễn Hoàng	Tín	D18_TH03																									7.29	5.91		6.83	6.71	6.60	64/79	29/35				ĐẠT	DH18
92	DH51800372	Huỳnh Quốc	Tuấn	D18_TH03																									3.79	2.18		1.60	3.53	2.64	15/79	9/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
93	DH51801671	Đỗ Lê Đắc	ý	D18_TH03																									3.07	1.55		0.13	2.72	1.93	10/79	6/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
94	DH51801111	Trần Thanh	Ân	D18_TH04																									5.21	5.41	5.00	4.12	6.23	5.38	57/79	26/35				ĐẠT	DH18
95	DH51800555	Nguyễn Anh Huy	Bảo	D18_TH04																									4.79	3.73		2.32	3.50	3.51	28/79	16/35	CCHV_3			CCHV	DH18
96	DH51802808	Hồ Hoàng	Dung	D18_TH04																									3.79	4.23	3.29	3.80	5.11	4.44	36/79	19/35				ĐẠT	DH18
97	DH51802580	Đinh Ngọc Hải	Đăng	D18_TH04																									4.57	4.32		3.60	4.84	4.32	39/79	19/35				ĐẠT	DH18
98	DH51801456	Lê Anh	Hào	D18_TH04																									6.64	5.95		6.04	7.16	6.43	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
99	DH51800124	Nguyễn Trần Tuấn	Huy	D18_TH04																									5.00	5.68	6.00	5.12	6.50	5.68	61/79	28/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
100	DH51800744	Tô Quốc	Huy	D18_TH04																									4.36	4.00	5.43	3.76	5.10	4.63	46/79	22/35				ĐẠT	DH18
101	DH51800131	Ngô Đình	Khang	D18_TH04																									6.14	4.91		4.96	6.32	5.52	59/79	28/35				ĐẠT	DH18
102	DH51800165	Nguyễn Trần Tuấn	Khôi	D18_TH04																									6.07	6.95		5.80	6.78	6.39	66/79	30/35				ĐẠT	DH18
103	DH51801502	Lê Triệu	Luân	D18_TH04																									4.71	5.95	7.00	5.00	6.17	5.63	61/79	29/35				ĐẠT	DH18
104	DH51800994	Đinh Hoàng Minh	Mẫn	D18_TH04																									3.29	1.23	3.43	3.60	2.95	2.90	13/79	8/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
105	DH51800992	Hoàng Trung	Nam	D18_TH04																									4.00	5.09	3.43	4.40	5.61	4.91	42/79	23/35				ĐẠT	DH18
106	DH51805130	Phạm Hoàng	Nam	D18_TH04																									4.29	5.50	4.86	5.44	6.22	5.67	60/79	29/35		NoHP		Đóng trả HP	DH18
107	DH51800242	Nguyễn Trọng	Nhân	D18_TH04																									6.57	6.82		7.28	7.83	7.15	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
108	DH51801444	Đào Nguyễn Hồng	Nhung	D18_TH04																									5.00	4.41	4.00	3.16	6.00	4.60	38/79	19/35				ĐẠT	DH18
109	DH51802624	Huỳnh Thanh	Phát	D18_TH04																									4.43	6.00	6.43	4.68	6.28	5.72	65/79	29/35				ĐẠT	DH18
110	DH51800266	Nguyễn Duy	Phương	D18_TH04																									3.93	1.73		0.00	0.00	1.18	8/79	5/35	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
111	DH51801425	Tạ Bình	Quân	D18_TH04																									4.79	5.73	6.29	4.68	6.53	5.73	66/79	30/35				ĐẠT	DH18
112	DH51800753	Nguyễn Nhựt	Tân	D18_TH04																									4.29	5.64	6.11	4.96	6.17	5.62	56/79	26/35				ĐẠT	DH18
113	DH51801260	Nguyễn Anh	Thư	D18_TH04																									6.50	6.82	6.00	6.28	7.11	6.76	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
114	DH51800850	Nguyễn Thanh	Toàn	D18_TH04																									4.71	5.50	4.71	4.88	5.72	5.37	53/79	25/35				ĐẠT	DH18
115	DH51801108	Nguyễn Xuân	Toàn	D18_TH04																									4.36	4.73	4.86	4.56	6.61	5.32	49/79	24/35				ĐẠT	DH18
116	DH51800380	Bùi Thanh	Trọng	D18_TH04																									4.21	4.41		3.04	6.00	4.37	41/79	20/35				ĐẠT	DH18
117	DH51802538	Võ Công	Trường	D18_TH04																									3.57	4.86	4.89	4.80	6.17	5.29	47/79	23/35				ĐẠT	DH18
118	DH51801048	Lê Đức Quang	Vinh	D18_TH04																									3.43	3.41	3.00	2.04	2.00	2.66	15/79	8/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
119	DH51803715	Nguyễn Thái	Vỹ	D18_TH04																									4.43	4.64	5.60	4.04	5.37	4.78	51/79	23/35				ĐẠT	DH18
120	DH51801604	Phạm Tuấn	Cảnh	D18_TH05																									4.71	5.18		5.08	5.82	5.32	62/79	28/35				ĐẠT	DH18
121	DH51802218	Nguyễn Ngọc	Đăng	D18_TH05																									5.93	5.95		5.16	5.86	5.78	70/79	30/35				ĐẠT	DH18
122	DH51802064	Trần Đình	Đô	D18_TH05																									3.71	4.64		3.14	5.84	4.37	42/79	20/35				ĐẠT	DH18
123	DH51800141	Võ Sỹ	Hùng	D18_TH05																									5.07	5.59		4.23	6.17	5.24	45/79	22/35				ĐẠT	DH18
124	DH51800472	Đặng Hải	Huy	D18_TH05																									5.86	4.55		3.64	0.00	3.45	36/79	16/35	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
125	DH51802389	Đỗ Quốc	Huy	D18_TH05																									3.07	4.55		3.68	5.11	4.16	32/79	16/35				ĐẠT	DH18
126	DH51802776	Nguyễn Đức	Long	D18_TH05																									6.86	7.36		6.18	7.61	6.99	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
127	DH51802387	Cao Tài	Lộc	D18_TH05																									3.93	4.14		3.05	4.33	3.83	34/79	17/35				ĐẠT	DH18
128	DH51801672	Lê Trần	Lợi	D18_TH05																									4.57	4.45	6.00	2.91	5.74	4.42	41/79	20/35				ĐẠT	DH18
129	DH51801592	Phạm Công	Minh	D18_TH05																									4.21	2.45		3.43	5.43	3.70	23/79	12/35				ĐẠT	DH18
130	DH51802024	Ngô Hồng	Phương	D18_TH05																									4.50	4.64	4.86	5.11	6.05	5.39	50/79	25/35				ĐẠT	DH18
131	DH51802752	Phạm Anh	Quốc	D18_TH05																									5.43	5.95	6.00	5.17	6.84	5.97	64/79	28/35				ĐẠT	DH18
132	DH51801689	Võ Thanh	Quyền	D18_TH05																									5.71	4.91	7.00	5.28	6.05	5.61	58/79	28/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
133	DH51802067	Nguyễn Trọng	Thành	D18_TH05																									4.36	4.14		5.32	6.83	5.15	52/79	24/35				ĐẠT	DH18
134	DH51801961	Phan Văn	Thành	D18_TH05																									6.29	5.27	6.00	6.19	7.11	6.24	71/79	32/35				ĐẠT	DH18
135	DH51801698	Nguyễn Ngọc	Thìn	D18_TH05																									5.00	6.27	6.00	4.52	6.67	5.73	64/79	30/35				ĐẠT	DH18
136	DH51802007	Trần Bảo	Tiến	D18_TH05																									6.14	6.68	9.00	5.41	7.32	6.59	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
137	DH51801691	Nguyễn Công	Tính	D18_TH05																									8.36	7.91		7.60	7.44	7.78	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
138	DH51802158	Nguyễn Vương Vân	Trường	D18_TH05																									5.64	6.00	4.00	5.27	6.83	5.92	61/79	29/35				ĐẠT	DH18
139	DH51802094	Hồ Anh	Vũ	D18_TH05																									4.64	5.45		5.22	5.89	5.35	52/79	25/35				ĐẠT	DH18
140	DH51801636	Huỳnh Trương Tấn	An	D18_TH06																									6.36	5.64		5.18	6.62	5.90	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
141	DH51800724	Nguyễn Thành	An	D18_TH06																									5.21	5.32		4.88	4.55	5.06	45/79	20/35				ĐẠT	DH18
142	DH51801216	Hoàng Hà Tuấn	Anh	D18_TH06																									3.64	0.23		3.90	0.52	2.04	10/79	5/35	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
143	DH51802030	Lê Hoàng	Anh	D18_TH06																									5.29	5.14		5.58	6.85	5.78	59/79	29/35		NoHP		Đóng trả HP	DH18
144	DH51800232	Trương Chí	Bửu	D18_TH06																									5.71	4.23	4.00	5.24	5.61	5.11	41/79	20/35				ĐẠT	DH18
145	DH51800980	Lê Nhất	Duy	D18_TH06																									6.36	5.59		5.53	5.58	5.74	62/79	28/35				ĐẠT	DH18
146	DH51801517	Nguyễn Huỳnh	Đạt	D18_TH06																									4.36	4.00		0.32	0.00	2.12	16/79	8/35	CCHV_2			CCHV	DH18
147	DH51800516	Đỗ ức	Huy	D18_TH06																									6.50	6.05		5.00	6.61	6.04	57/79	27/35				ĐẠT	DH18
148	DH51801196	Nguyễn Trần Chính	Huy	D18_TH06																									6.36	6.55		6.86	7.94	6.93	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
149	DH51800547	Trần Quang	Khải	D18_TH06																									6.36	3.95		3.06	4.38	4.32	36/79	19/35				ĐẠT	DH18
150	DH51801124	Nguyễn Phạm Công	Khang	D18_TH06																									5.86	5.00		4.74	6.60	5.48	62/79	29/35				ĐẠT	DH18
151	DH51800726	Lê Quốc	Khánh	D18_TH06																									6.79	5.68		6.04	7.43	6.57	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
152	DH51801733	Võ Anh	Khoa	D18_TH06																									4.93	3.59		4.16	5.84	4.62	45/79	24/35				ĐẠT	DH18
153	DH51801738	Võ Xuân	Kỳ	D18_TH06																									5.50	2.05		2.92	4.29	3.40	37/79	16/35				ĐẠT	DH18
154	DH51802110	Nguyễn Duy	Linh	D18_TH06																									4.29	2.09		3.53	5.18	3.67	28/79	17/35				ĐẠT	DH18
155	DH51801623	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	D18_TH06																									6.50	6.09		5.68	7.36	6.44	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
156	DH51800195	Phương Thanh	Tòng	D18_TH06																									7.00	6.68		5.68	7.05	6.64	67/79	31/35				ĐẠT	DH18
157	DH51800950	Nguyễn Hoàng	Trung	D18_TH06																									6.93	6.45		6.18	6.79	6.59	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
158	DH51801122	Mai Huỳnh	Trường	D18_TH06																									6.07	4.14		4.47	6.47	5.22	56/79	28/35				ĐẠT	DH18
159	DH51802048	Đoàn Khánh	Vinh	D18_TH06																									6.36	3.77		3.18	0.00	3.18	29/79	14/35	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
160	DH51803124	Ngô Gia	Bảo	D18_TH07																									3.93	4.05		2.86	4.39	4.15	35/79	18/35				ĐẠT	DH18
161	DH51803108	Lê Tấn	Đạt	D18_TH07																									5.79	2.41		2.07	4.93	3.62	28/79	12/35				ĐẠT	DH18
162	DH51802337	Lê Trần Trung	Hậu	D18_TH07																									5.50	5.50		3.78	6.71	5.49	58/79	27/35				ĐẠT	DH18
163	DH51800144	Hoàng Trung	Hiếu	D18_TH07																									6.43	4.68		3.41	5.94	5.12	42/79	20/35				ĐẠT	DH18
164	DH51802290	Nguyễn Kim	Hiếu	D18_TH07																									6.07	7.59	6.00	7.00	7.78	7.28	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
165	DH51803312	Trần Minh	Hiếu	D18_TH07																									5.57	4.82	5.00	3.82	6.83	5.41	46/79	23/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
166	DH51803164	Nguyễn Quang	Huy	D18_TH07																									8.71	9.18		8.04	8.11	8.49	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
167	DH51800224	Trần Đường	Huy	D18_TH07																									6.50	6.05		6.65	7.59	6.86	68/79	31/35				ĐẠT	DH18
168	DH51802975	Thái Trương Đăng	Khoa	D18_TH07																									6.36	4.27		4.00	6.61	5.16	44/79	22/35				ĐẠT	DH18
169	DH51802511	Trần Xuân	Nhơn	D18_TH07																									5.50	6.09		6.08	7.06	6.20	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
170	DH51802827	Chương Thiệu	Phong	D18_TH07																									6.50	5.05		3.84	5.79	5.20	50/79	23/35				ĐẠT	DH18
171	DH51802893	Huỳnh Tấn	Phú	D18_TH07																									5.21	4.77		4.35	5.56	4.96	41/79	21/35				ĐẠT	DH18
172	DH51802294	Phạm Phú	Tài	D18_TH07																									6.79	8.55		7.20	7.56	7.58	77/79	33/35				ĐẠT	DH18
173	DH51800085	Nguyễn Tăng	Thảo	D18_TH07																									7.50	5.45	0.00	4.48	6.12	5.89	66/79	30/35				ĐẠT	DH18
174	DH51801881	Nguyễn Lê Trường	Thiện	D18_TH07																									6.36	6.91		7.24	7.28	7.00	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
175	DH51802563	Trần Nguyễn Thăng	Tiếp	D18_TH07																									5.14	4.55		3.28	3.78	4.08	28/79	15/35	CCHV_2			CCHV	DH18
176	DH51802629	Cao Dương	Trần	D18_TH07																									6.00	6.23		4.96	6.00	5.76	65/79	29/35				ĐẠT	DH18
177	DH51802933	Trần Ngọc	Trung	D18_TH07																									4.86	4.27		4.41	5.36	4.83	42/79	21/35				ĐẠT	DH18
178	DH51803239	Phạm Nguyễn Anh	Trường	D18_TH07																									5.79	4.14		4.04	3.94	4.35	37/79	19/35	CCHV_1			CCHV	DH18
179	DH51802981	Lê Minh	Tú	D18_TH07																									6.07	3.91	4.00	2.93	4.84	4.63	33/79	17/35				ĐẠT	DH18
180	DH51802541	Nguyễn Hữu	Vinh	D18_TH07																									4.50	3.23		2.64	2.90	3.71	28/79	14/35	CCHV_3			CCHV	DH18
181	DH51800223	Nguyễn Thiên	Vinh	D18_TH07																									7.21	6.50		6.20	6.61	6.58	71/79	31/35				ĐẠT	DH18
182	DH51802697	Phan Nguyễn Hoài	An	D18_TH08																									6.64	6.27		5.40	5.72	5.94	58/79	28/35				ĐẠT	DH18
183	DH51803029	Hồng Quốc	Bình	D18_TH08																									5.43	4.91		4.32	3.32	4.53	38/79	19/35	CCHV_1			CCHV	DH18
184	DH51803166	Võ Chí	Cường	D18_TH08																									5.43	5.77		4.92	5.77	5.53	58/79	27/35				ĐẠT	DH18
185	DH51802856	Ngô Minh	Hậu	D18_TH08																									4.93	3.91		2.72	1.62	3.67	26/79	14/35	CCHV_3	NoHP		CCHV & Đóng trả HP	DH18
186	DH51802865	Nguyễn Trung	Hiếu	D18_TH08																									5.21	5.41		4.68	0.21	3.96	47/79	21/35	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
187	DH51803236	Võ Minh	Khang	D18_TH08																									4.64	5.55		4.96	3.91	5.03	53/79	25/35	CCHV_1			CCHV	DH18
188	DH51801934	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	D18_TH08																									7.43	7.32		6.60	6.56	6.94	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
189	DH51803355	Phan Anh	Minh	D18_TH08																									5.29	3.55		3.76	6.56	4.61	42/79	22/35				ĐẠT	DH18
190	DH51802830	Bùi Phương	Nam	D18_TH08																									3.43	4.18		1.36	2.00	2.66	18/79	9/35	CCHV_3			CCHV	DH18
191	DH51803576	Nguyễn Đức	Nhân	D18_TH08																									6.21	6.14		5.72	6.00	5.99	68/79	31/35				ĐẠT	DH18
192	DH51803541	Tạ Thiên	Phúc	D18_TH08																									5.14	2.27		1.67	0.00	2.33	12/79	7/35	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
193	DH51802990	Huỳnh Phú	Quí	D18_TH08																									5.36	4.41		5.20	5.28	5.03	50/79	24/35				ĐẠT	DH18
194	DH51800156	Nguyễn Lưu Đức	Tài	D18_TH08																									7.93	8.05		6.56	6.33	7.16	78/79	34/35				ĐẠT	DH18
195	DH51802954	Nguyễn Việt	Thành	D18_TH08																									6.14	6.77		5.64	5.61	6.04	67/79	31/35				ĐẠT	DH18
196	DH51803221	Nguyễn Quốc	Thắng	D18_TH08																									5.43	5.14		4.68	5.29	5.19	56/79	24/35				ĐẠT	DH18
197	DH51803052	Chung Xuân	Thịnh	D18_TH08																									6.71	6.50		4.92	5.72	5.86	64/79	30/35				ĐẠT	DH18
198	DH51803039	Đỗ Tiến	Thịnh	D18_TH08																									3.86	0.00	0.70	4.00	4.78	3.34	29/79	15/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
199	DH51803469	Nguyễn Quang	Thọ	D18_TH08																									5.57	2.95		0.33	3.45	3.10	21/79	11/35	CCHV_3	NoHP		CCHV & Đóng trả HP	DH18
200	DH51803383	Lương Gia	Thuận	D18_TH08																									5.64	5.36		4.84	6.28	5.46	55/79	25/35				ĐẠT	DH18
201	DH51803769	Trần Bảo	Toàn	D18_TH08																									5.93	5.23		2.95	5.50	4.84	44/79	20/35				ĐẠT	DH18
202	DH51803523	Quách Đại	Triệu	D18_TH08																									6.00	5.86		4.48	6.09	5.72	58/79	24/35				ĐẠT	DH18
203	DH51803057	Trần Anh	Tuấn	D18_TH08																									5.71	6.45		5.52	6.50	6.04	65/79	30/35				ĐẠT	DH18
204	DH51803115	Trần Minh	Tuấn	D18_TH08																									4.93	4.14	5.33	3.72	4.68	4.56	50/79	22/35				ĐẠT	DH18
205	DH51803327	Vũ Công Tuấn	Anh	D18_TH09																									8.50	7.77		6.65	7.61	7.53	71/79	32/35				ĐẠT	DH18
206	DH51802913	Trương Nguyễn Minh	Ân	D18_TH09																									4.71	4.50	6.00	4.40	4.83	4.83	35/79	20/35				ĐẠT	DH18
207	DH51803255	Hồ Hữu	Chí	D18_TH09																									4.71	4.45		1.36	3.47	3.37	28/79	15/35	CCHV_2			CCHV	DH18
208	DH51803079	Nguyễn Huỳnh Khánh	Duy	D18_TH09																									3.93	2.09		3.21	3.89	3.18	24/79	12/35	CB_BTH_1			CB_BTH	DH18
209	DH51806426	Hoàng Ngọc	Hà	D18_TH09																									6.29	7.77		6.56	6.28	6.78	76/79	33/35				ĐẠT	DH18
210	DH51802987	Lâm Hồng	Hải	D18_TH09																									4.07	4.18	6.43	4.80	5.50	5.12	52/79	24/35				ĐẠT	DH18
211	DH51800686	Nguyễn Anh	Hoàng	D18_TH09																									3.93	4.50		5.17	4.61	4.58	46/79	22/35				ĐẠT	DH18
212	DH51802904	Nguyễn Hữu	Hoàng	D18_TH09																									5.86	7.73		3.84	4.67	5.50	50/79	23/35			KoDKMH	TDUNG	DH18
213	DH51803595	Phạm Lê	Hưng	D18_TH09																									4.29	3.64		4.13	3.95	3.97	34/79	16/35	CCHV_2	NoHP		CCHV & Đóng trả HP	DH18
214	DH51803625	Trần Chí	Lâm	D18_TH09																									5.29	4.50		5.20	4.72	4.87	49/79	23/35				ĐẠT	DH18
215	DH51803178	Trần Quang	Long	D18_TH09																									3.93	4.14	5.43	4.27	5.42	4.88	47/79	23/35				ĐẠT	DH18
216	DH51803598	Lê Văn Hùng	Minh	D18_TH09																									4.21	4.23	5.86	5.13	5.42	5.10	51/79	24/35				ĐẠT	DH18
217	DH51803156	Nguyễn Công Hải	Nam	D18_TH09																									5.86	5.95		5.20	6.17	5.83	65/79	29/35				ĐẠT	DH18
218	DH51803612	Vũ Tuấn	Nghĩa	D18_TH09																									3.79	4.00		5.76	5.72	4.84	42/79	22/35				ĐẠT	DH18
219	DH51803070	Nguyễn Đỗ Minh	Nhất	D18_TH09																									4.00	4.14	5.89	5.93	6.05	5.48	59/79	27/35				ĐẠT	DH18
220	DH51803559	Lê Nguyễn Tất	Thắng	D18_TH09																									3.71	3.00		5.13	5.70	4.49	40/79	21/35				ĐẠT	DH18
221	DH51803550	Lê Phước	Thịnh	D18_TH09																									5.93	6.05	4.00	6.13	6.61	6.19	57/79	27/35				ĐẠT	DH18
222	DH51803058	Phan Thành	Trí	D18_TH09																									2.79	1.95		2.76	4.63	3.12	23/79	14/35		NoHP		Đóng trả HP	DH18
223	DH51803661	Đinh Quang	Trường	D18_TH09																									4.36	2.00		2.21	3.78	3.04	23/79	12/35	CCHV_3			CCHV	DH18
224	DH51803440	Lê Duy	Tuyên	D18_TH09																									5.14	4.27	5.43	4.67	5.32	5.01	47/79	23/35				ĐẠT	DH18
225	DH51803477	Đỗ Như	Việt	D18_TH09																									4.79	5.32	5.86	5.87	6.17	5.83	57/79	26/35				ĐẠT	DH18
226	DH51804303	Phạm Quốc	Ân	D18_TH10																									5.86	4.09		5.12	5.73	5.19	57/79	28/35				ĐẠT	DH18
227	DH51804376	Lê Trí	Cường	D18_TH10																									3.79	2.95	0.00	2.36	4.83	3.34	33/79	16/35				ĐẠT	DH18
228	DH51802700	Ngô Thanh	Danh	D18_TH10																									5.86	4.50		5.28	5.89	5.30	58/79	27/35				ĐẠT	DH18
229	DH51804398	Vòng Say	Dậu	D18_TH10																									5.79	5.41	6.00	5.96	6.39	5.97	74/79	33/35				ĐẠT	DH18
230	DH51804123	Võ Khánh	Duy	D18_TH10																									6.21	5.77	4.00	5.60	5.67	5.77	64/79	29/35				ĐẠT	DH18
231	DH51803935	Huỳnh Quốc	Dương	D18_TH10																									8.21	8.41		7.16	7.33	7.73	79/79	35/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
232	DH51804460	Nguyễn Lam	Đan	D18_TH10																									4.00	4.36		4.70	5.56	4.68	40/79	21/35				ĐẠT	DH18
233	DH51804576	Lưu Vịnh	Hân	D18_TH10																									7.29	6.45		6.16	6.28	6.47	74/79	32/35				ĐẠT	DH18
234	DH51804614	Lê Văn	Hiệp	D18_TH10																									6.14	6.00		6.60	6.95	6.63	78/79	34/35				ĐẠT	DH18
235	DH51803665	Đặng Văn	Hiếu	D18_TH10																									6.79	6.05		6.00	6.72	6.32	72/79	33/35				ĐẠT	DH18
236	DH51804706	Vũ Huy	Hoàng	D18_TH10																									4.00	4.18		4.56	3.65	4.19	33/79	18/35	CCHV_1	NoHP		CCHV & Đóng trả HP	DH18
237	DH51804825	Hà Trí	Khang	D18_TH10																									6.07	4.68		4.64	6.11	5.24	51/79	25/35				ĐẠT	DH18
238	DH51803494	Nguyễn Ngọc	Khoa	D18_TH10																									5.29	3.95		3.95	4.94	4.45	35/79	20/35				ĐẠT	DH18
239	DH51804901	Hoàng Trung	Kiên	D18_TH10																									4.93	4.14		3.33	5.68	4.54	44/79	22/35				ĐẠT	DH18
240	DH51804948	Nguyễn Tấn	Lộc	D18_TH10																									5.79	5.32		5.19	6.44	5.64	55/79	27/35				ĐẠT	DH18
241	DH51805220	Nguyễn Trọng	Nhân	D18_TH10																									5.50	3.82		4.00	4.61	4.57	46/79	21/35				ĐẠT	DH18
242	DH51805223	Trần Thiện Thành	Nhân	D18_TH10																									6.21	4.77		4.93	4.89	5.17	49/79	24/35				ĐẠT	DH18
243	DH51805286	Phạm Thị Huỳnh	Như	D18_TH10																									6.07	5.64		6.12	6.17	5.99	68/79	31/35				ĐẠT	DH18
244	DH51805354	Trần Huy	Phú	D18_TH10																									6.07	3.23		4.33	5.78	4.71	43/79	20/35				ĐẠT	DH18
245	DH51805358	Đào Thiên	Phúc	D18_TH10																									7.00	7.00		7.57	7.50	7.29	77/79	34/35				ĐẠT	DH18
246	DH51805426	Trần Minh	Quang	D18_TH10																									6.00	5.73		6.28	7.00	6.39	69/79	32/35				ĐẠT	DH18
247	DH51805444	Đinh Kiến	Quốc	D18_TH10																									5.36	4.59		4.74	5.76	5.19	53/79	24/35				ĐẠT	DH18
248	DH51805491	Nguyễn Thanh	Sướng	D18_TH10																									7.00	6.00		5.76	6.17	6.14	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
249	DH51805774	Nguyễn Thanh	Tấn	D18_TH10																									5.36	4.36		5.00	5.55	5.38	57/79	26/35				ĐẠT	DH18
250	DH51805679	Phạm Thanh	Thuận	D18_TH10																									5.00	3.95		5.52	6.35	5.43	65/79	31/35				ĐẠT	DH18
251	DH51805688	Trần Thị Ngọc	Thùy	D18_TH10																									8.00	7.95		6.84	7.89	7.59	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
252	DH51804141	Nguyễn Trọng	Trí	D18_TH10																									7.00	5.86		6.80	8.06	6.86	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
253	DH51805899	Bùi Lê Hoàng Nhật	Trường	D18_TH10																									7.64	6.77		7.08	6.78	7.03	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
254	DH51803126	Nguyễn Phương Hoài	Việt	D18_TH10																									6.07	4.68		5.44	6.50	5.86	62/79	30/35				ĐẠT	DH18
255	DH51806037	Ngô Gia	Vinh	D18_TH10																									4.21	4.82	7.00	5.93	6.06	5.65	53/79	25/35				ĐẠT	DH18
256	DH51803800	Nguyễn Anh	Võ	D18_TH10																									4.71	4.18	6.43	4.73	5.58	5.23	53/79	24/35				ĐẠT	DH18
257	DH51806068	Trần Tuấn	Vũ	D18_TH10																									7.00	6.59		6.80	7.19	6.88	76/79	33/35				ĐẠT	DH18
258	DH51806073	Phạm Đình	Vương	D18_TH10																									6.93	6.18		6.24	6.61	6.43	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
259	DH51804249	Tống Khánh Nhật	An	D18_TH11																									7.14	7.82		7.70	8.25	7.77	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
260	DH51804098	Nguyễn Hoàng	Bảo	D18_TH11																									4.07	3.86		3.76	4.00	3.91	26/79	12/35				ĐẠT	DH18
261	DH51804308	Đặng Xuân	Bắc	D18_TH11																									4.93	4.64		5.48	0.00	3.94	43/79	20/35	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
262	DH51804310	Võ Ngọc	Bội	D18_TH11																									5.86	4.95		6.04	6.04	6.00	67/79	29/35				ĐẠT	DH18
263	DH51804418	Lạc Hồng	Duy	D18_TH11																									5.43	6.23		5.68	6.10	6.01	65/79	30/35				ĐẠT	DH18
264	DH51804528	Nguyễn Thành	Đạt	D18_TH11																									5.50	3.41		3.82	3.53	4.13	29/79	15/35	CCHV_3			CCHV	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
265	DH51804107	Cao Chiến	Hào	D18_TH11																									6.00	6.18		6.18	7.17	6.53	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
266	DH51802325	Lê Thị Thúy	Hoài	D18_TH11																									5.07	6.36		5.70	6.00	5.87	59/79	28/35				ĐẠT	DH18
267	DH51804772	Trần Nguyễn Quốc	Huy	D18_TH11																									6.93	6.50		5.74	7.05	6.56	65/79	29/35				ĐẠT	DH18
268	DH51804835	Nguyễn Tuấn	Khang	D18_TH11																									7.07	7.32		7.40	7.06	7.24	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
269	DH51804851	Nguyễn Quốc	Khánh	D18_TH11																									7.79	6.91		6.56	7.47	7.14	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
270	DH51805028	Nguyễn Nhị	Long	D18_TH11																									6.71	7.05		6.78	7.65	7.06	77/79	34/35				ĐẠT	DH18
271	DH51805047	Trần Thành	Long	D18_TH11																									6.29	4.64		4.15	4.47	4.79	36/79	16/35				ĐẠT	DH18
272	DH51804942	Đặng Phước	Lộc	D18_TH11																									7.50	7.09		6.88	6.88	7.17	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
273	DH51804949	Nguyễn Xuân	Lộc	D18_TH11																									5.71	5.73		4.84	6.95	5.91	60/79	28/35				ĐẠT	DH18
274	DH51805206	Huỳnh Công	Nhã	D18_TH11																									4.93	4.91		5.22	6.50	5.58	64/79	30/35				ĐẠT	DH18
275	DH51805388	Bùi Hoàng	Phương	D18_TH11																									5.93	6.45		5.91	6.50	6.22	70/79	32/35				ĐẠT	DH18
276	DH51805478	Huỳnh Ngọc	Sáng	D18_TH11																									3.79	3.18		1.68	0.00	2.12	14/79	8/35	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
277	DH51805497	Mai Trương	Tài	D18_TH11																									6.86	6.32		6.18	6.64	6.46	62/79	27/35				ĐẠT	DH18
278	DH51805517	Ao Nhật	Tân	D18_TH11																									5.93	5.14	8.00	5.76	6.00	6.10	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
279	DH51805624	Nguyễn Tấn	Thịnh	D18_TH11																									5.79	4.59		4.56	6.06	5.13	47/79	22/35				ĐẠT	DH18
280	DH51805702	Lý Hoàng	Thư	D18_TH11																									7.79	8.55		7.09	7.60	7.75	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
281	DH51805930	Lê Minh	Tú	D18_TH11																									6.36	6.41		6.09	6.00	6.29	72/79	32/35				ĐẠT	DH18
282	DH51806042	Hoàng	Việt	D18_TH11																									5.14	4.73		1.00	0.00	3.14	18/79	8/35	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	NGHIHOC	DH18
283	DH51806039	Nguyễn Hữu Lê	Vinh	D18_TH11																									7.36	7.00		6.80	7.43	7.27	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
284	DH51804283	Phạm Nhật	Anh	D18_TH12																									5.93	6.00		4.95	5.52	5.57	61/79	28/35				ĐẠT	DH18
285	DH51804331	Nguyễn Duy	Bảo	D18_TH12																									7.79	6.95		6.73	7.22	7.11	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
286	DH51804386	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D18_TH12																									5.79	6.32	3.00	5.60	5.95	5.99	70/79	30/35				ĐẠT	DH18
287	DH51804430	Trần Khánh	Duy	D18_TH12																									7.50	7.36		6.32	6.89	6.95	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
288	DH51804453	Phạm Đăng Hải	Dương	D18_TH12																									6.21	6.55	5.00	5.48	7.28	6.35	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
289	DH51804500	Trần Tuấn	Đại	D18_TH12																									6.14	6.32		5.00	6.76	6.04	66/79	30/35				ĐẠT	DH18
290	DH51804536	Tôn Quốc	Đạt	D18_TH12																									7.21	7.59		6.36	7.50	7.11	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
291	DH51800174	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	D18_TH12																									5.36	4.68	6.57	5.52	6.39	5.68	67/79	30/35				ĐẠT	DH18
292	DH51804616	Trần Hoàng	Hiệp	D18_TH12																									6.21	7.14		7.00	6.71	6.81	72/79	32/35				ĐẠT	DH18
293	DH51800534	Nguyễn Minh	Hiếu	D18_TH12																									6.29	5.27		5.64	7.23	6.20	65/79	30/35				ĐẠT	DH18
294	DH51804755	Lê Thanh	Huy	D18_TH12																									7.21	7.18		7.05	7.72	7.48	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
295	DH51804821	Cao Vũ	Khang	D18_TH12																									7.43	6.95		6.27	7.28	6.92	68/79	31/35				ĐẠT	DH18
296	DH51804894	Phan Thị Tú	Khuyên	D18_TH12																									5.71	5.55	8.00	5.40	5.62	5.87	69/79	31/35				ĐẠT	DH18
297	DH51803764	Mai Gia	Long	D18_TH12																									3.93	4.32		4.09	4.62	4.27	39/79	20/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
298	DH51801312	Nguyễn Tấn Nam	Long	D18_TH12																									6.64	5.73		4.77	6.24	5.76	69/79	31/35				ĐẠT	DH18
299	DH51805103	Phạm Văn	Mạnh	D18_TH12																									5.57	6.32		6.00	6.29	6.09	70/79	32/35				ĐẠT	DH18
300	DH51805129	Phạm Dương Hoài	Nam	D18_TH12																									6.93	6.68		6.52	6.89	6.72	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
301	DH51805204	Trần Thị	Nguyệt	D18_TH12																									7.00	8.14		7.32	7.72	7.58	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
302	DH51805207	Trần Đại	Nhã	D18_TH12																									6.64	7.59	6.00	5.80	7.61	6.96	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
303	DH51805303	Nguyễn Việt	Pháp	D18_TH12																									6.57	7.27		6.33	6.00	6.58	65/79	29/35				ĐẠT	DH18
304	DH51805322	Trần Mãnh	Phát	D18_TH12																									4.79	2.73		5.28	5.94	4.63	41/79	21/35				ĐẠT	DH18
305	DH51805350	Nguyễn Phong	Phú	D18_TH12																									6.86	6.55		5.18	6.24	6.14	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
306	DH51805372	Trần Bảo	Phúc	D18_TH12																									7.86	8.09		7.08	7.83	7.67	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
307	DH51805406	Nguyễn Minh	Phương	D18_TH12																									5.86	6.82		6.27	3.29	5.56	49/79	22/35	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
308	DH51805435	Nguyễn Thanh	Quân	D18_TH12																									6.64	5.77		5.18	6.41	6.04	69/79	31/35				ĐẠT	DH18
309	DH51805479	Tạ Đăng	Sáng	D18_TH12																									5.43	5.23		6.23	7.50	6.43	66/79	31/35				ĐẠT	DH18
310	DH51805528	Đặng Hồng Bảo	Thái	D18_TH12																									6.93	6.27		6.16	6.56	6.42	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
311	DH51805750	Nguyễn Hoàng	Tiến	D18_TH12																									7.00	7.82		6.39	6.44	6.96	67/79	30/35				ĐẠT	DH18
312	DH51805753	Nhâm Trung	Tiến	D18_TH12																									7.36	7.95		7.78	8.17	7.85	72/79	32/35				ĐẠT	DH18
313	DH51805788	Trương Ngọc	Toàn	D18_TH12																									6.07	6.59	6.00	5.59	6.24	6.28	73/79	33/35				ĐẠT	DH18
314	DH51805934	Nguyễn Minh	Tú	D18_TH12																									6.86	6.68		6.78	6.78	6.76	69/79	31/35				ĐẠT	DH18
315	DH51800518	Nguyễn Võ Duy Tú	Vinh	D18_TH12																									6.14	6.45		5.86	6.56	6.25	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
316	DH51806091	Nguyễn Hải	Vy	D18_TH12																									4.71	4.59	6.00	4.80	7.06	5.53	58/79	28/35				ĐẠT	DH18
317	DH51802341	Huỳnh Tuấn	Anh	D18_TH13																									6.86	4.82		2.74	0.05	3.49	36/79	15/35	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
318	DH51802129	Dương Minh	Danh	D18_TH13																									6.50	5.05		5.37	5.04	5.71	61/79	28/35				ĐẠT	DH18
319	DH51800886	Nguyễn Thành	Danh	D18_TH13																									3.29	1.77		1.67	0.00	1.62	9/79	6/35	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH18
320	DH51801746	Võ Viễn	Duy	D18_TH13																									6.14	0.91		2.16	0.81	2.54	21/79	9/35	CCHV_3	NoHP		CCHV & Đóng trả HP	DH18
321	DH51804518	Hoàng Tấn	Đạt	D18_TH13																									5.71	0.23		0.00	0.00	1.15	9/79	5/35	CCHV_3			CCHV	DH18
322	DH51804542	Trần Hí	Đường	D18_TH13																									8.29	7.73		8.11	8.00	8.00	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
323	DH51801362	Phạm Phúc	Hậu	D18_TH13																									5.00	3.91	2.00	3.63	5.50	4.60	46/79	22/35				ĐẠT	DH18
324	DH51800027	Lê Đình	Huy	D18_TH13																									4.07	3.64		2.68	4.27	3.73	32/79	15/35				ĐẠT	DH18
325	DH51802058	Võ Đức An	Khang	D18_TH13																									6.21	5.05		4.70	6.58	5.81	64/79	29/35				ĐẠT	DH18
326	DH51800766	Phạm Tiến	Long	D18_TH13																									7.93	7.00		6.58	7.60	7.23	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
327	DH51801584	Võ Phương	Nam	D18_TH13																									7.71	6.73		6.16	7.28	6.90	72/79	31/35				ĐẠT	DH18
328	DH51805316	Nguyễn Tấn	Phát	D18_TH13																									8.43	6.77		6.58	6.50	7.12	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
329	DH51802512	Lê Anh	Phi	D18_TH13																									8.07	6.09		5.89	6.00	6.41	56/79	25/35				ĐẠT	DH18
330	DH51800736	Đặng Kiến	Phong	D18_TH13																									8.36	7.77		8.00	8.50	8.13	75/79	33/35				ĐẠT	DH18

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
331	DH51801039	Võ Văn	Thiện	D18_TH13																									5.79	5.59		4.16	5.79	5.37	53/79	24/35				ĐẠT	DH18
332	DH51801182	Trần Quốc	Trọng	D18_TH13																									8.21	7.36		7.00	8.05	7.68	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
333	DH51800143	Nguyễn Thị Khánh	Vy	D18_TH13																									4.50	5.23		5.68	5.89	5.37	52/79	24/35				ĐẠT	DH18
334	DH51806100	Trần Khánh	Vy	D18_TH13																									7.43	7.77		7.42	7.83	7.63	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
335	DH51804380	Ngô Anh	Cương	D18_TH14																									8.43	6.68		5.96	6.78	6.78	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
336	DH51801151	Nguyễn Chí Đăng	Duy	D18_TH14																									4.93	3.27		4.20	3.94	4.01	26/79	14/35	CCHV_2			CCHV	DH18
337	DH51804511	Huỳnh Trung	Đông	D18_TH14																									7.21	7.95		7.04	7.89	7.52	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
338	DH51804598	Trần Phước	Hải	D18_TH14																									8.36	7.23		7.20	7.61	7.51	79/79	35/35				ĐẠT	DH18
339	DH51804681	Huỳnh Vũ	Hòa	D18_TH14																									5.57	4.32		5.05	6.57	5.34	56/79	26/35				ĐẠT	DH18
340	DH51801405	Tăng Quang	Huy	D18_TH14																									6.79	6.50		4.80	6.17	5.94	67/79	31/35				ĐẠT	DH18
341	DH51802950	Mai Minh	Khôi	D18_TH14																									4.50	0.00		0.00	0.00	1.03	7/79	4/35	CCHV_3			CCHV	DH18
342	DH51805023	Nguyễn Hoàng	Long	D18_TH14																									4.64	0.27		2.64	4.06	2.66	21/79	10/35				ĐẠT	DH18
343	DH51804947	Nguyễn Tấn	Lộc	D18_TH14																									6.93	3.82		3.16	5.33	4.47	48/79	20/35				ĐẠT	DH18
344	DH51805131	Tân Bình	Nam	D18_TH14																									8.43	8.18		7.00	8.06	7.82	76/79	34/35				ĐẠT	DH18
345	DH51800548	Lê Thị Kim	Ngân	D18_TH14																									8.29	7.64		6.32	7.28	7.25	75/79	33/35				ĐẠT	DH18
346	DH51805315	Nguyễn Tấn	Phát	D18_TH14																									6.43	6.95		5.32	3.94	5.66	66/79	28/35	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH18
347	DH51805351	Phạm Minh	Phú	D18_TH14																									6.00	3.91		4.32	5.36	5.01	59/79	25/35				ĐẠT	DH18
348	DH51802384	Nguyễn Châu Toàn	Quốc	D18_TH14																									5.64	4.55		3.20	4.72	4.35	35/79	17/35				ĐẠT	DH18
349	DH51805469	Trần Đình	Ri	D18_TH14																									6.21	6.41		5.44	7.17	6.24	73/79	32/35				ĐẠT	DH18
350	DH51803189	Nguyễn Văn	Thành	D18_TH14																									6.50	6.77		4.64	6.62	6.11	68/79	30/35				ĐẠT	DH18
351	DH51805597	Lai Đặng Hồng	Thiện	D18_TH14																									6.79	5.36		4.76	6.35	5.71	58/79	28/35				ĐẠT	DH18
352	DH51805715	Ngô Thùy	Thương	D18_TH14																									8.71	7.59		6.20	7.28	7.28	72/79	32/35				ĐẠT	DH18
353	DH51805764	Nguyễn Đặng	Tín	D18_TH14																									5.93	4.86		5.04	6.63	5.61	63/79	28/35				ĐẠT	DH18
354	DH51803372	Lê Thanh	Toàn	D18_TH14																									6.64	6.55		4.68	5.78	5.91	69/79	30/35				ĐẠT	DH18
355	DH51803757	Hoàng Thanh	Tuấn	D18_TH14																									6.14	5.09		4.04	6.36	5.39	63/79	28/35				ĐẠT	DH18
356	DH51803441	Trần Thanh	Tùng	D18_TH14																									6.57	5.73		5.52	5.61	5.78	69/79	30/35				ĐẠT	DH18
357	DH51803622	Nguyễn Chung	Vũ	D18_TH14																									4.36	1.91		2.41	4.00	3.18	27/79	13/35		NoHP		Đóng trả HP	DH18
358	DH51806065	Phan Mai Thiên	Vũ	D18_TH14																									7.43	3.73		6.32	6.14	5.89	67/79	31/35				ĐẠT	DH18

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 07/09/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Tư, ngày 09/09/2020 đến hết Thứ Tư, ngày 16/09/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C29): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - KHÓA 2018
(BẢNG CHÍNH THỨC)

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
				101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)	(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 14 tháng 09 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**